

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2018/HSST**

Ngày: 30 – 01 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Dũng**.

2. Ông **Phạm Công Gia**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường B Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị Bích Kh, sinh năm: 1987, tại Đồng Nai.

Nơi ĐKKHKT: Ấp PM3, xã PL, huyện TP, Đồng Nai.

Chỗ ở: Ấp TT3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa;

Con ông Phạm Ngọc T – 1935 hiện ở huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị T1 (đã mất);

Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ tư.

Chồng: Trịnh Kim L – 1986.

Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh ngày 26/5/2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

- **Người bị hại:** Bà Lu Thị H – 1964.

Nơi cư trú: Ấp PD, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- **Nguyên đơn dân sự:** Bà Lu Thị Nhật L1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân xay xát TH.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp PK, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị Hồng T1 – 1972.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn Ma, huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng.

2. Anh Vũ Hữu P – 2004.

Nơi cư trú: Ấp PD, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của anh P: Ông Vũ Đức D và bà Lu Thị H.

Nơi cư trú: Ấp PD, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Trịnh Kim L – 1986.

Nơi cư trú: Ấp PM3, xã PL, TP, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Phương L2 – 1965.

Nơi cư trú: 13, Ấp PC, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Nguyễn Anh Q – 1992.

Nơi cư trú: Ấp TL, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L; vắng mặt nguyên đơn dân sự, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, anh P, bà L2, anh Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/5/2017, Phạm Thị Bích Kh bán lúa cho nhà máy xay xát TH ở ấp PD, xã PB, huyện TP, do bà Lu Thị H – sinh năm 1964 làm chủ với số lượng là 3.410kg lúa tươi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày Phạm Thị Bích Kh đến nhà máy TH để lấy phiếu cân lúa của mình nhưng không gặp bà H mà gặp con trai bà H là Vũ Đức P – sinh năm 2004. Kh nói với P in cho Kh phiếu cân lúa, P in phiếu sau đó đóng mộc của nhà máy TH đưa cho Kh. Ngày hôm sau Kh phát hiện phiếu cân lúa trên không phải là của Kh mà phiếu ghi tên “Quốc – Đồng xanh” có số cân là 11.780kg nên Kh đến nhà máy TH gặp bà H để in lại phiếu. Nhưng khi gặp bà H thì Kh không nói gì về việc con bà H đã in nhầm phiếu, mà nói đến để lấy phiếu cân lúa của mình. Bà H in phiếu và trả tiền lúa cho Kh với số tiền là 6.670.000 đồng. Đến ngày 09/5/2017, do không có tiền chuộc xe mô tô biển số 60B3-381.49 (xe do chồng Kh là Trịnh Kim L mang đi cầm) Kh đã cầm phiếu có tên “Quốc – Đồng Xanh” đến gặp bà H và nói dối là anh họ nhờ đến lấy tiền hộ. Tưởng thật nên bà H đã cho Kh ứng số tiền 10.000.000 đồng và ghi lên phiếu số tiền tạm ứng. Đến ngày 14/5/2017, Kh tiếp tục có ý định chiếm đoạt số tiền còn lại là 46.544.000 đồng nên đã nhờ chị Trương Thị Hồng T – sinh năm 1972, thường trú tại thị trấn Ma, huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng đến nhà máy Tư Hồng lấy hết số tiền còn lại. Kh nói với chị T đây là phiếu của một người bạn cho mượn nên chị T đồng ý. Kh và chị T cùng nhau đến nhà máy TH, Kh đứng ngoài còn chị T cầm phiếu đi vào trong nhà máy lấy tiền. T đưa phiếu cho bà H và nói là người quen nhờ lấy, do thấy có chữ của mình ghi trên phiếu về việc đã ứng số tiền 10.000.000 đồng nên bà H đã thanh toán hết số tiền còn lại đưa cho T là 46.544.000 đồng, T cầm tiền ra ngoài đưa lại hết cho Kh. Ngày 15/5/2017, anh Nguyễn Anh Q (Quốc – Đồng Xanh) cầm phiếu cân lúa có số cân là 11.780kg đến nhà máy Tư Hồng để lấy tiền thì bà H phát

hiện bị Kh lừa nên tìm gặp Kh và được Kh trả lại số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại Kh không trả nên bà H trình báo Cơ quan công an. Tại cơ quan Điều tra Kh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tổng số tiền Phạm Thị Bích Kh chiếm đoạt của bà Lu Thị H là 56.544.000 đồng. Trong số tiền này Kh cho chị Trương Thị Hồng Tmượn 5.000.000 đồng, trả lại bà Lu Thị H 10.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết 17.644.000 đồng, số còn lại Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của Kh là 23.900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 23.900.000 đồng (đã trao trả lại cho bà Lu Thị H).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo đúng nội dung vụ án nêu trên.

Bản cáo trạng số 71/CT-VKS-HS ngày 08 tháng 11 năm 2017, VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Thị Bích Kh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; phân tích dấu hiệu phạm tội; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đặc điểm nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 139, điểm p, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề xuất mức án đối với bị cáo Phạm Thị Bích Kh từ 01(một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với Trương Thị Hồng T: Do Thủy không biết hành vi của bị cáo Kh là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lu Thị H nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú.

Bị cáo có lời nói sau cùng như sau: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và rất hối hận đối với hành vi đã gây ra. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, trở thành một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Bích Kh thừa nhận: Vào các ngày 09/5/2017, 14/5/2017 tại ấp PD, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lu Thị H. Cụ thể: Lần thứ nhất chiếm đoạt số tiền 10.000.000đ, lần thứ hai chiếm đoạt 46.544.000đ. Tổng số tiền chiếm đoạt là 56.544.000đ. Trong đó, bị cáo Kh đã trả lại cho bà Lu Thị H số tiền 10.000.000đ; Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho bà H số tiền 23.900.000đ. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Căn cứ điểm c khoản 1 và điểm h khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội thì hành vi của bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt so với khoản 2, Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là như nhau, nhưng khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 quy định không có lợi cho người phạm tội so với khoản 2, Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy, áp dụng tội phạm và hình phạt tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là phù hợp với luật định.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây lo sợ, hoang mang, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu lao động, làm ăn lương thiện mà đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Kh thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, cần xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết, cần tuyên mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây. Cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, l, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, hiện tại đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là

những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Vì vậy, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Các vấn đề khác: Bị cáo hiện nay đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (tính đến thời điểm xét xử con nhỏ nhất của bị cáo được 07 tháng tuổi) nên tạm thời không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Đối với Trương Thị Hồng T: Quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung về dấu hiệu đồng phạm của Trương Thị Hồng T trong vụ án. Nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng vì cho rằng Thủy không biết hành vi của bị cáo Kh là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lu Thị H nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

[5]. Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.0000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp nhưng đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc vì vậy cần giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Bích Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e Khoản 2 Điều 139, các điểm b, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Bích Kh 01(một) năm 04 (Bốn) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Thị Bích Kh phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Kim L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự bà Lu Thị Nhật L1; Người bị hại bà Lu Thị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Hồng T, anh Vũ Hữu P, bà Nguyễn Thị Phương L2, anh Nguyễn Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh